

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2018.

(V/v ly hôn).

NHÂN DANH

N- CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thanh Giang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị May**

2. Ông **Bùi Đức Thập**

- Th- ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Anh** - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 02/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX - ST ngày 15/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn QĐ, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương - (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Thôn QĐ, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi Công an tỉnh Hải Dương - (vắng mặt - có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2018 của chị Nguyễn Thị L và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 5 năm 2015. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời, nghiện ma túy, không chịu làm ăn, không chăm lo gì cho cuộc sống gia đình, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng anh không thay đổi, vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không ai quan tâm đến ai. Tháng 01/2018 anh T vi phạm pháp luật bị Công an thành phố HD bắt tạm giam về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị đ- ợc ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Tại biên bản lấy lời khai của Phạm Văn T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày: Thời gian và điều kiện kết hôn nh- chị L trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do anh, anh th- ờng xuyên chơi bởi không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng luôn xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 01/2018 anh vi phạm pháp luật đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi. Anh xác định tuy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, lỗi là do anh nh- ng anh vẫn còn tình cảm với chị và mong muốn chị suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị L xin ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung: không có; về sản chung: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh Ủy ban nhân dân xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương và đơn đề nghị của gia đình chị L xác định: Anh T và chị L kết hôn với nhau vào tháng 5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã TT. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đ- ợc một thời gian, anh T chơi bởi nghiện ma túy, không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Mặc dù, đã đ- ợc gia đình, địa ph- ơng khuyên ngăn nh- ng anh không thay đổi. Tháng 1/2018 anh T vi phạm pháp luật, hiện đang tạm giam tại trại giam. Theo quan điểm của địa ph- ơng và gia đình chị L, anh T và chị L kết hôn đã gần 3 năm nhưng anh T chơi bởi, không chăm lo quan tâm gì đến gia đình, nay anh không sửa chữa mà còn vi phạm pháp luật, tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn lại đ- ợc, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, để chị L sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Tân, về con chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tân có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn T có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ kiện vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện GL, tỉnh Hải D- ơng vào ngày 09 tháng 5 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chơi bời nghiện ma túy, không quan tâm chăm lo đến gia đình, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị đ- ợc ly hôn anh T, anh T xác định anh vẫn còn tình cảm với chị, anh đề nghị giải quyết để vợ chồng về đoàn tụ. Mặc dù anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị L nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc. Do vậy, cần xử cho chị L ly hôn với anh T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AB/2014/0003727 ngày 28/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/7/2018), bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc bản án hoặc bản án đ-ợc niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Các đ-ơng sự;
- UBND xã TT;
- L- u hồ sơ vụ án.

T.M hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thanh Giang